TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30**/2021/HNGĐ–ST
Ngày: 20/4/2021
V/v tranh chấp: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Phạm Quang Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bình.

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đinh Quốc Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 532/2021/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST–HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn*: Chị Dương Thị Mỹ N, sinh năm: 1997 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp 2, xã N, huyện H, tỉnh Bến Tre

+ *Bị đơn*: Anh Trương Văn T, sinh năm: 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 2, xã N, huyện H, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/10/2020, trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và trong quá trình xét xử Nguyên đơn chị Dương Thị Mỹ N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T chung sống với nhau vào năm 2018 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bến Tre.

Trong thời kỳ hôn nhân chị N và anh T chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến

tháng 5 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã. Chị N và anh T sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay.

Chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy chị N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh T .

- Về con chung: Chị N khai, chị N và anh T không có con.

- Về tài sản chung; Về nợ chung: Chị N khai, chị N và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án để giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đối với anh T, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đến phiên tòa xét xử, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Chị Dương Thị Mỹ N khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với anh Trương Văn T. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo xác nhận ngày 13/10/2020 của Công an xã N, huyện H. Anh Trương Văn T có đăng ký thường trú tại: ấp 2, xã N, huyện H và hiện đang sinh sống tại địa phương. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Trương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đến phiên tòa xét xử nhưng anh Trương Văn T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh Trương Văn T.

[4] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có

đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 22 ngày 16/4/2018 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bến Tre cấp. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong thời kỳ hôn nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau, chị N và anh T vẫn sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay vẫn không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho chị N và anh T đoàn tụ hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng những lần hòa giải anh T đều vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T.

Về con chung: Chị N khai, chị N và anh T không có con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung; Về nợ chung: Chị N khai, chị N và anh T không có nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Nếu sau này anh T có tranh chấp về tài sản chung, về nợ chung thì có quyền khởi kiện vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Buộc chị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51; 56; 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị Mỹ N đối với anh Trương Văn T. Chị Trương Thị Mỹ N được ly hôn với anh Trương Văn T.

[2] Về con chung: Chị Dương Thị Mỹ N và anh Trương Văn T không có con chung nên ghi nhận.

[3] Về tài sản chung; Về nợ chung: Chị Dương Thị Mỹ N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận. Nếu sau này anh Trương Văn T có tranh chấp về tài sản chung, về nợ chung thì có quyền khởi kiện vụ án khác.

[4] Về án phí sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Buộc chị Dương Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Dương Thị Mỹ N đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0002184 ngày 20/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Chị Dương Thị Mỹ N đã nộp đủ án phí.

[5] Về quyền kháng cáo:

Chị Dương Thị Mỹ N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Trương Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Bến Tre giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Thới Thuận, huyện Bình Đại;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THAD huyện Bình Đại;
- TAND tỉnh Bến Tre (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Quang Hải